

Câu I: (2,00 điểm)

Trình bày sự khác nhau về thời gian chiếu sáng trong ngày trên Trái Đất.

Câu II: (1,00 điểm)

Trình bày khái niệm cơ cấu dân số theo giới. Tại sao cơ cấu dân số theo giới ở các nước phát triển và đang phát triển không giống nhau?

Câu III: (2,00 điểm)

Thị trường và tiến bộ khoa học kỹ thuật ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp? Trình bày và giải thích sự phân bố của cây lương thực trên thế giới?

Câu IV: (3,00 điểm)

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG
CỦA THẾ GIỚI THỜI KÌ 1960 – 2010**

Năm	1960	1970	1980	1990	2003	2010
Sản phẩm						
Than (triệu tấn)	2603	2936	3770	3387	5310	6270
Dầu mỏ (triệu tấn)	1052	2336	3066	3331	3903	5488
Điện (tỉ Kwh)	2304	4962	8247	11832	14861	22369

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp năng lượng của thế giới thời kì trên.

b. Nhận xét về tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm và giải thích.

Câu V: (2,00 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy chứng minh và giải thích chế độ nhiệt nước ta phản ánh rõ quy luật địa đới.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh

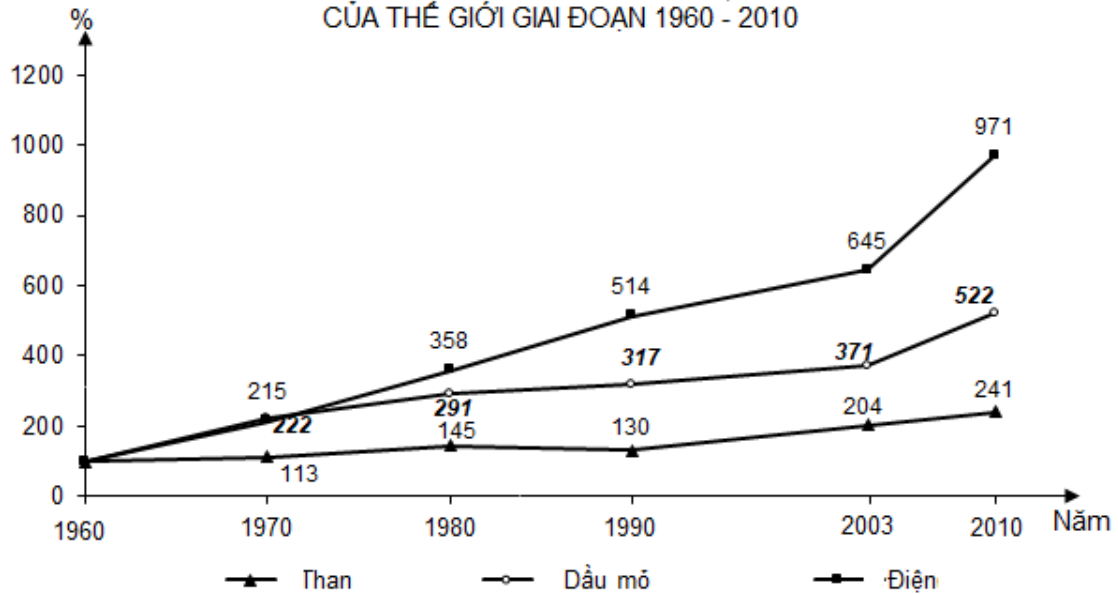
- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM – ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN III
LỚP 10 CHUYÊN ĐỊA LÍ * NĂM HỌC 2021 – 2022 *** Ngày thi 27/12/2021**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm																											
I		Trình bày sự khác nhau về thời gian chiếu sáng trong ngày trên Trái Đất.	2,00																											
		Thời gian chiếu sáng trong 1 ngày đêm trên Trái Đất có sự khác nhau theo mùa và theo vĩ độ.	0,25																											
		- Khác nhau theo mùa: + Từ 21/3 – 23/9: thời gian chiếu sáng của bán cầu Bắc dài, của bán cầu Nam ngắn.	0,25																											
		+ Từ 23/9 – 21/3: thời gian chiếu sáng của bán cầu Bắc ngắn, bán cầu Nam dài.	0,25																											
		+ Ngày 21/3 và 23/9: mọi địa điểm trên Trái Đất đều có thời gian chiếu sáng như nhau là 12h.	0,25																											
		- Khác nhau theo vĩ độ: + Xích đạo: quanh năm có thời gian chiếu sáng không đổi là 12h.	0,25																											
		+ Càng xa xích đạo: chênh lệch thời gian chiếu sáng giữa các mùa càng lớn.	0,25																											
II		Trình bày khái niệm cơ cấu dân số theo giới. Tại sao cơ cấu dân số theo giới ở các nước phát triển và đang phát triển không giống nhau?	1.00																											
		- Khái niệm cơ cấu dân số theo giới: là tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.	0.25																											
		- Cơ cấu dân số theo giới không giống nhau giữa các nhóm nước: + Các nước đang phát triển: nam nhiều hơn nữ. Các nước phát triển: nữ nhiều hơn nam.	0.25																											
		- Nguyên nhân: + Các nước đang phát triển: Quan niệm trọng nam khinh nữ, tâm lí thích sinh con trai; cơ cấu dân số trẻ, một số nước là do chiến tranh.	0,25																											
	+ Các nước phát triển: Nam và nữ bình đẳng hơn; cơ cấu dân số già, trong khi tuổi thọ trung bình của nữ thường lớn hơn nam.	0.25																												
III		Thị trường và tiến bộ khoa học kĩ thuật ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp? Trình bày và giải thích sự phân bố của cây lương thực trên thế giới?	2,00																											
		* Ảnh hưởng của thị trường và tiến bộ khoa học kĩ thuật đến sản xuất nông nghiệp:																												
		- Thị trường ảnh hưởng đến giá cả, điều tiết sản xuất, hướng chuyên môn hóa.	0.25																											
		- Tiến bộ khoa học kĩ thuật ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sản lượng nông sản.	0.25																											
		* Sự phân bố của cây lương thực trên thế giới:																												
		- Phân bố rộng rãi do đáp ứng nhu cầu lương thực, dinh dưỡng cho con người, ổn định an ninh lương thực.	0.25																											
		- Tập trung ở các đồng bằng do phù hợp với đất màu mỡ, địa hình bằng phẳng	0,25																											
	- Phân bố theo vĩ độ: + Miền ôn đới: lúa mì, đại mạch, mạch đen, khoai tây, ...	0,25																												
	+ Miền nhiệt đới, cận nhiệt: lúa gạo, kê, khoai lang, ...	0,25																												
	+ Do đặc điểm sinh thái của các loại phù hợp với các kiểu khí hậu riêng.	0,25																												
	+ Ngô biên độ sinh thái rộng, dễ thích nghi nên trồng được ở nhiều kiểu khí hậu khác nhau.	0,25																												
IV		Vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích	3,00																											
		* Xử lý số liệu: Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp năng lượng của thế giới, thời kì 1960 – 2010 (đơn vị: %)	0.25																											
		<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Sản phẩm \ Năm</th> <th>1960</th> <th>1970</th> <th>1980</th> <th>1990</th> <th>2003</th> <th>2010</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Than</td> <td>100</td> <td>113</td> <td>145</td> <td>130</td> <td>204</td> <td>241</td> </tr> <tr> <td>Dầu mỏ</td> <td>100</td> <td>222</td> <td>291</td> <td>317</td> <td>371</td> <td>522</td> </tr> <tr> <td>Điện</td> <td>100</td> <td>215</td> <td>358</td> <td>514</td> <td>645</td> <td>971</td> </tr> </tbody> </table>	Sản phẩm \ Năm	1960	1970	1980	1990	2003	2010	Than	100	113	145	130	204	241	Dầu mỏ	100	222	291	317	371	522	Điện	100	215	358	514	645	971
Sản phẩm \ Năm	1960	1970	1980	1990	2003	2010																								
Than	100	113	145	130	204	241																								
Dầu mỏ	100	222	291	317	371	522																								
Điện	100	215	358	514	645	971																								
		* Vẽ biểu đồ: đường biểu diễn. Biểu đồ khác không cho điểm (<i>Tham khảo biểu đồ sau</i>)	0,75																											

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THAN, DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1960 - 2010



* Nhận xét, giải thích:

- Từ 1960 – 2010 sản lượng than, dầu mỏ, điện của thế giới nhìn chung đều có xu hướng tăng (dẫn chứng) 0,25

Do nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng nhiều, khoa học kỹ thuật phát triển giúp sản lượng các sản phẩm năng lượng tăng.... 0,25

- Tuy nhiên tốc độ tăng của các sản phẩm không đều:

+ Than có tốc độ tăng chậm nhất và không ổn định (dẫn chứng) 0,25

Do nhiệt lượng không lớn, gây ô nhiễm môi trường... 0,25

+ Dầu mỏ có tốc độ tăng khá nhanh và tăng liên tục (dẫn chứng) 0,25

Do có nhiều ưu điểm: nhiệt lượng cao, thuận lợi trong sử dụng, vận chuyển. 0,25

+ Điện có tốc độ tăng nhanh nhất và tăng liên tục (dẫn chứng) 0,25

Do nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt tăng mạnh. 0,25

Chứng minh và giải thích chế độ nhiệt nước ta phản ánh rõ quy luật địa đới. 2,00

Chế độ nhiệt nước ta phản ánh rõ quy luật địa đới:

- Nhiệt độ trung bình năm cao (dẫn chứng) 0,25

Do nằm ở vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, góc nhập xạ lớn, lượng nhiệt nhận được cao... 0,25

- Nhiệt độ trung bình năm tăng từ Bắc vào Nam (dẫn chứng) 0,25

Do càng xuống phía Nam vĩ độ thấp, ảnh hưởng của gió mùa mùa đông giảm dần. 0,25

- Biên độ nhiệt giảm từ Bắc vào Nam (dẫn chứng) 0,25

Do càng vào Nam chênh lệch nhiệt độ giữa 2 mùa càng nhỏ. 0,25

- Biến trình nhiệt năm thay đổi theo vĩ độ: miền Nam dạng xích đạo, miền Bắc dạng chí tuyến (dẫn chứng) 0,25

Do càng về phía Bắc, khoảng cách giữa 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh càng rút ngắn. 0,25

TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 5 CÂU

10,00